

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/02/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	16	0		11	0	
2		CTK3+GTC1+RP3	7:25	2+1+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	Chuyen 1 CTK3-GTC1
3		P4+TD3+RC3+CTC1	7:25	11+4+0+0	0+0+0		12+1+3+6	0+0+0	
4		P10+RP1	9:25	13+7	0+0		12+8	0+0	
5		GTC1+CTK3+PPD	9:25	0+0+15	0+0+0		0+0+15	0+0+0	Chuyen 1 GTC1-CTK3
6		TD2	11:25	14	0		0	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/RP3 1 người về bờ đi PPD chuyen đợt 2



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD2	CREW: KIÊN - ĐTrung	ETA: 10:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH THANG	TD2	98	1	6	30	77	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC DUNG	TD2	88	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH ANH	TD2	89	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN MANH CUONG	TD2	96	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
5	NGO VAN HUY	TD2	95	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
6	LE ANH QUAN	TD2	90	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
7	NG. QUOC DOAN*PK-PVD	TD2	99	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGO QUANG HUNG	TD2	01	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM THANH GIANG	TD2	93	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	VU XUAN TRUONG	TD2	87	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM TIEN VINH	TD2	97	1	14		85	KHOAN	Vietnamese
12	VO TUAN MANH	TD2	300	1	4		65	PVD	Vietnamese
13	VU DUY DUNG	TD2	91	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	YUKHIMCHUK	TD2	92	1	10		100	KH-THAC	Russian
15	VU TRUNG KIEN	TD2	94	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	15	101	1.118	30	11		
TOTAL		15	15	101	1.118	30	11		
WEIGHT KG				101	1.118	30			

GRAND TOAL: 1.249 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2021	TO: CTK3 - GTC1 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hồi - KHOÀN - MQUÂN	ETA: 09:15
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH MANH DUC	CTK3					72	SBAY	Vietnamese
2	TRAN QUOC KHIEM	CTK3	32-33	2	17	20	70	KH-THAC	Vietnamese
3	LUU DUC TUAN	GTC1	84-85	2	15	20	80	KH-THAC	Vietnamese
4	DINH HOAI ĐỨC	RP3	73	1	5		66	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	RP3					67	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					90	KHI	Vietnamese
7	NGO THANH LAM	RP3	71	1	5		60	KHI	Vietnamese
8	PHAN SY DUYET	RP3	49	1	5		72	KHI	Vietnamese
9	LAI VAN MINH	RP3	72	1	5		63	KHI	Vietnamese
10	TA PHI KHANH	RP3	84	1	5		73	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN THANH HA	RP3	78	1	5		63	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VY	RP3	75-76	2	10	33	70	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUNG	RP3	77	1	5		70	PSV	Vietnamese
14	TRAN THANH HAI	RP3	74	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN DUY CHINH	RP3	70	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH SU	RP3	50	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

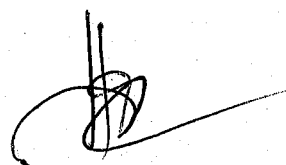
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	2	2	17	142	20	0 + 1		CHUYEN 01 PAX TU CTK3 SANG GTC1
2	GTC1	1	2	15	80	20	0		
3	RP3	13	12	60	897	33	22		NB THAY CA CTK3 VE NGOI GHE PHU
TOTAL		16	16	92	1.119	73	22		
WEIGHT KG				92	1.119	73			

GRAND TOAL: 1.284 KGS

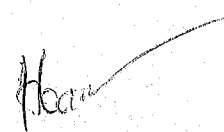
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: P4 - TD3 - RC3 - CTC1	CREW: Nam - Linh - QTruong	ETA: 09:20
CAM-1			

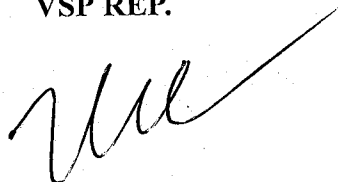
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN QUYEN	P4	24-25	2	8	20	75	KHI	Vietnamese
2	ZHURBIN N.B	P4	30	1	7		94	KHI	Russian
3	NGUYEN BACH DUONG	P4	29	1	7		75	KHI	Vietnamese
4	PHAM MONG THANH	P4	20-21	2	10		73	KHI	Vietnamese
5	LE VAN HUONG	P4	23	1	5		66	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN DINH CU	P4	36	1	7		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN VAN KHANH	P4	34-35	2	14		71	KH-THAC	Vietnamese
8	OVCHARENKO ANDREI	P4	31-32	2	18		86	KH-THAC	Russian
9	NGUYEN TIEN THANH	P4	37	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	HOANG HUY TIEN	P4	22	1	5		60	KHI	Vietnamese
11	DOAN VAN TRUC	P4	38	1	8	16	70	KHI	Vietnamese
12	TRINH XUAN HUYEN	P4	26-28	3	11		75	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN DONG	TD3	42	1	12	30	75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN QUOC DAI	TD3	40-41	2	17		84	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH VAN TAM	TD3	44	1	11	20	60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN LE DANG QUANG	TD3	43	1	14		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

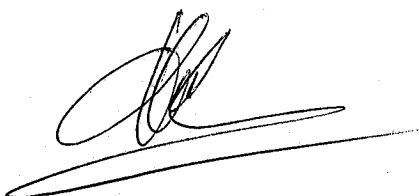
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	12	18	105	880	36	12		
2	TD3	4	5	54	303	50	1		
3	RC3	0	0	0	0	5	3		
4	CTC1	0	0	0	0	10	6		
TOTAL		16	23	159	1.183	101	22		
WEIGHT KG				159	1.183	101			

GRAND TOAL: 1.443 KGS

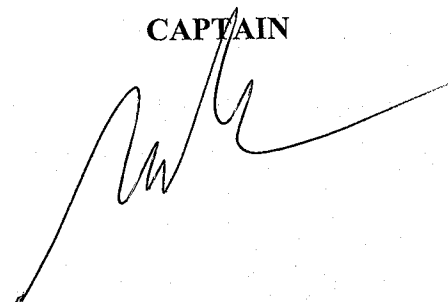
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	TO: P10 - RP1	CREW: Nam - Linh - QTrưởng	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	QUÁCH VĂN TÔI	P10	70	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN XUÂN	P10	67	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN MINH HIỆU	P10	55-56	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
4	HOÀNG ĐẠI NGHĨA-PVD	P10	71	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN PHƯỚC	P10	69	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM QUANG NGU	P10	60	1	8		87	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐAM	P10	57	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ VĂN HOA	P10	68	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
9	NG. HOÀNG OANH-PVDT	P10	58-59	2	18		82	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGÂN	P10	66	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM XUÂN HUY	P10	63-64	2	7		63	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUÂN LONG	P10	61-62	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HUNG	P10	65	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH BĂNG	RP1	51	1	5		83	PSV	Vietnamese
15	LE VĂN HIỀN	RP1	53	1	6	15	75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	09-11	3	18		75	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VƯƠNG CHÍNH TỔNG	RP1	55	1	8		63	PSV	Vietnamese
18	PHẠM THẾ THUẬN	RP1	52	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU NHAN	RP1	56	1	8		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	54	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

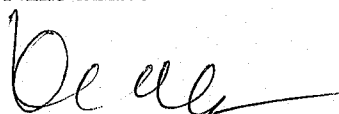
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	13	17	105	931	0	12		
2	RP1	7	9	55	498	15	8		
TOTAL		20	26	160	1,429	15	20		
WEIGHT KG				160	1,429	15			

GRAND TOAL: 1.604 KGS

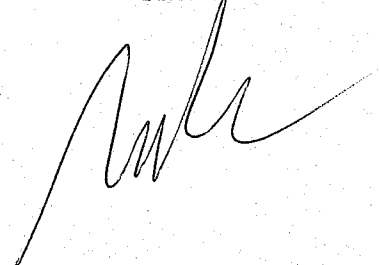
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/02/2021	TO: GTC1 - CTK3 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HỒI - XHOÀN - MQUÂN	ETA: 11:15
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAM QUANG NAM	PPD	50	1	5		80	KHI	Vietnamese
2	BUI THANH HAI	PPD	52	1	3		63	KHI	Vietnamese
3	VO TA QUANG	PPD	56	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	ĐANG PHUC THANG	PPD	63	1	5		80	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	PPD	49	1	5		82	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HAO	PPD	57	1	5	15	78	KHI	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG SON	PPD	55	1	7		60	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN HUY SON	PPD					75	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HA	PPD	51	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	PHAM HONG THAI	PPD	59	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	ĐANG HONG QUAN	PPD	47	1	5		75	KHI	Vietnamese
12	LE HUY VINH	PPD	58	1	6		63	KHI	Vietnamese
13	TRAN SON HAI	PPD	53-54	2	10		78	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG DAI NGHIA* ***	PPD	48	1	7		76	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	0	0	0	0	0	0	1	CHUYEN 1 PAX GTC1 SANG CTK3
2	CTK3	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	14	14	73	1.010	15	15		
TOTAL		14	14	73	1.010	15	17		
WEIGHT KG				73	1.010	15			

GRAND TOAL: 1.098 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:20
FLIGHT: 06	TO: TD2	CREW: HHai - MTuấn	ETA: 14:30
TIM - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TÂN PHONG	TD2	17	1	16		65	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ ĐỨC SANG	TD2	18	1	12		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN KÝ	TD2	22	1	14		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	TD2	21	1	14		83	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD2	07	1	12		74	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HƯƠNG	TD2	04	1	11		100	DVL	Vietnamese
7	ĐÀO VĂN YẾN	TD2	10	1	9		64	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN TUÔNG	TD2	08	1	10		80	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	TD2	05	1	10		65	DVL	Vietnamese
10	VŨ MẠNH NAM	TD2	06	1	15		83	DVL	Vietnamese
11	KRAVTSOV ALEXANDR	TD2	11-12	2	20		70	DVL	Vietnamese
12	PHẠM HAI LONG	TD2	15-16	2	16		79	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	TD2	19-20	2	20		71	DVL	Vietnamese
14	PHẠM VĂN CUÔNG	TD2	13-14	2	20		80	DVL	Vietnamese
15	ĐO VĂN HUNG	TD2	09	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	15	19	204	1.117	0	0		
TOTAL		15	19	204	1.117	0	0		
WEIGHT KG				204	1.117	0			

GRAND TOAL: 1.321 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/02/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+TD3	7:25	5+16	0+0		0+19	0+0	
2		P4+TD5	7:25	3+18	0+0		0+13	0+0	
3		P10-BK15-PVD2	9:25	10	0		20	0	CHUYEN 1 P10 BK15
4		PPD+PVD2	9:25	8+8	0+0		4+12	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/2/2021	TO: RP3 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 0730
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nhg - Nam Thu	ETA: 0900
Xanh - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LANH TRUNG DONG	RP3	77	1	5		70	KHI	Vietnamese
2	DUONG HONG QUAN	RP3	78	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3					75	KHI	Vietnamese
4	TRAN VIET QUANG	RP3	79	1	5		75	KHI	Vietnamese
5	TRUONG TRONG HAN	RP3	76	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	OLEYNIK IVAN	TD3	68-70	3	12		90	KHOAN	Russian
7	VU TRONG NGHIA	TD3					70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN HUU THO	TD3	58	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM HUNG DUONG	TD3	56	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
10	HUYNH AI HUU	TD3	65-66	2	13	80	70	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN MANH HUNG	TD3	54-55	2	8		72	KHOAN	Vietnamese
12	LE ANH THOAI	TD3	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM DUONG HAI	TD3	67	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
14	VU TIEN DUNG	TD3	57	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN THANG LOI	TD3	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	VU LONG PHI	TD3	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SANG	TD3	53	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
18	LE VAN NGHIA	TD3	61	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
19	DANG CONG THINH	TD3	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN DINH NGOC	TD3	59-60	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
21	TELYANS	TD3	71	1	5		72	DICHVU	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	5	4	20	345	0	0		
2	TD3	16	20	102	1.197	80	19		
TOTAL		21	24	122	1.542	80	19		
WEIGHT KG				122	1.542	80			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/2/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 0735
FLIGHT: 2	TO: P4 - TD5	CREW: HANH - VINH - TOAN	ETA: 0930
Cam - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI HUU LAN	P4	41	1	7		76	KHI	Vietnamese
2	NGUYEN CHIEN CONG	P4	19	1	7	40	69	KHI	Vietnamese
3	TRAN DUY KHUONG	P4	42	1	6		88	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN NHU Y	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
5	HO HOAN KIEM	TD5	83	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
6	ĐINH VAN SU	TD5					81	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN HIEN	TD5	82	1	6		78	KHOAN	Vietnamese
8	VI HUNG CUONG	TD5	78	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TUAN ANH	TD5	80	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM VAN KHOAN-PVD	TD5	84	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	HOANG NHAT QUANG	TD5	85	1	8		56	KHOAN	Vietnamese
12	LAM VAN HANH	TD5	77	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
13	ĐO NGUYEN GIAP-PVD	TD5	86-87	2	13		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ĐUC THINH	TD5	88	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
15	TRANG NGOC HUNG	TD5	81	1	12		68	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM THE QUANG	TD5	89	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
17	BELYAEV SERGEY	TD5	76	1	10	40	81	KH-THAC	Russian
18	VÔ TRỌNG NHIÊN	TD5	90	1	12		52	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN ANH NINH	TD5	79	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO VAN HIEU	TD5	92	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN GIA CUONG	TD5	91	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	3	3	20	233	40	0		
2	TD5	18	17	135	1.264	40	13		
TOTAL		21	20	155	1.497	80	13		
WEIGHT KG				155	1.497	80			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE : 10/Feb/2021	FROM : VUNG TAU	AIRCRAFT :410	ETD : 9:30
FLIGHT : 03 (XANH-2)	TO : P10-BK15-PVD2	CREW: VTHANG-DNAM-THU	ETA : 11:10

ROUTE : VT - P10 - BK15 - PVD2 - VT

No.	PAX. NAME	COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY	
						PCS	KGS	W.T	
SECTOR 1 : VT -P10									
1	NIL								
2	TRANSFER 1 PAX FROM								
9	P10 TO BK15								
10									
	PAX OUT	0	PAX IN	0		WT :	0	0	0

SECTOR 2 : VT -BK15

1	NIL							
2								
3								
10								
	PAX OUT	0	PAX IN	0	WT :	0	0	0

SECTOR 3 : VT -PVD2

1	NGUYEN HUU THANH	KHOAN	VIETNAMESE		98	1	5	80
2	TRAN TUAN NGHIA	KHOAN	VIETNAMESE		61	1	5	65
3	LE NGOC MANH	KHOAN	VIETNAMESE		62	1	7	73
4	DAO QUANG DUNG	KHOAN	VIETNAMESE		97	1	5	58
5	NGUYEN MANH DUONG	KHOAN	VIETNAMESE		99	1	6	77
6	NGUYEN VAN DUC	KHOAN	VIETNAMESE		64	1	6	62
7	NGUYEN VAN PHUONG	KHOAN	VIETNAMESE		63	1	7	68
8	VU DUC CANH	KHOAN	VIETNAMESE		95	1	10	80
9	TRAN HUY NINH	KHOAN	VIETNAMESE		96	1	6	58
10	TRAN DUC CUONG	KHOAN	VIETNAMESE		60	1	8	65
	PAX OUT	10	PAX IN	20	WT :	10	65	686

TOTAL PAX	10
------------------	-----------

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT(KGS)
1					
2					
3					

REMARK:

PAX. WEIGHT	686
BAG. WEIGHT	65
CARGO WEIGHT	0
TOTAL	751

CUSTOMER REP.

VNH REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX :
2. FREIGHT & BAG :

Finished at:

Fuel :



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	TO: PVD2 - PPD	CREW: Hanh - Vinh - Toan	ETA: 11:15
CAM - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TO TRINH DUC	PVD2	02	1	6		77	KHOAN	Vietnamese
2	DO PHU DAT	PVD2	08	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
3	LE VIET THUC	PVD2	06	1	6		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUONG	PVD2	05	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
5	THAI VIEN	PVD2	04	1	7		56	KHOAN	Vietnamese
6	DANG THANH TU	PVD2	07	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN LANG	PVD2	09	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
8	PHAM VAN VIET	PVD2	03	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH VIEN	PPD	67-68	2	14		76	KHI	Vietnamese
10	PHAN VAN TUNG	PPD	66	1	9		70	KHI	Vietnamese
11	ĐINH THÈ QUÂN	PPD	70	1	6	25	68	KHI	Vietnamese
12	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	64	1	7		88	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐĂNG HUY	PPD	71	1	5		79	KHI	Vietnamese
14	TRẦN VĂN DŨNG	PPD					80	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC THU	PPD	69	1	6		62	KHI	Vietnamese
16	TRẦN HOANG CHUÔNG	PPD	65	1	7		62	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	8	8	54	542	0	12		
2	PPD	8	8	54	585	25	4		
TOTAL		16	16	108	1.127	25	16		
WEIGHT KG				108	1.127	25			

GRAND TOAL: 1.260 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN